

Bản án số: 49/2021/HS-PT
Ngày: 14-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như.

Ông Dương Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo Lý Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2021/HS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Lý Văn H**, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1991 tại B, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm S, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn D (đã chết) và bà Lục Thị S, sinh năm 1966; vợ: Nông Thị H, sinh năm 1989; con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 22/01/2021 đến nay; có mặt.

2. Bị cáo **Linh Văn L**, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1985 tại B, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm S, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Linh Văn T (đã chết) và bà Nông

Thị S, sinh năm 1954; vợ: Lục Thị K, sinh năm 1985; Con: 04 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/01/2021 đến nay; có mặt.

3. Bị cáo **Lên Văn T**, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1993 tại B, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm S, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lên Văn S, sinh năm 1969 và bà Phan Thị C, sinh năm 1972; vợ: Linh Thị T, sinh năm 1991; con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/01/2021 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Luật sư Phùng Văn Cầu, Luật sư Nguyễn Đắc Thực – Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Thư-Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; (Luật sư Phùng Văn Cầu có mặt; Luật sư Nguyễn Đắc Thực vắng mặt).

Địa chỉ: Phòng 1602 A, Tòa nhà Gemek Tower II, khu đô thị hai bên đường Lê Trọng Tấn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nông Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 45 phút, ngày 01/8/2020 Đoàn Biên phòng C, huyện B phối hợp với Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tại xóm M, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện đối tượng Nguyễn Văn D đang điều khiển xe ô tô bán tải màu trắng, mang biển kiểm soát 20C-17945 theo hướng xã C đi thị trấn B có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra trên xe ô tô D điều khiển phát hiện có 13 (Mười ba) bao tải màu xanh, bên trong mỗi bao tải có 01 (Một) thùng cattong, bên trong mỗi thùng cattong đều có chứa 18 (Mười tám) khối hộp hình vuông loại 36 (Ba mươi sáu) ống, đồng thời phát hiện 02 (Hai) khối hình hộp chữ nhật loại 100 (Một trăm) ống. Trong đó tổng cộng có 234 (Hai trăm ba mươi tư) khối hộp hình vuông loại 36 (Ba mươi sáu) ống được phát hiện trong

13 (Mười ba) bao tải đều có kích thước, đặc điểm, màu sắc, chủng loại giống nhau. Đối với 02 (Hai) khối hộp hình chữ nhật loại 100 (Một trăm) ống cũng có kích thước, đặc điểm, màu sắc, chủng loại giống nhau, bên ngoài các khối hộp kẻ trên đều được bọc lớp giấy màu đỏ, vàng có chữ nước ngoài (nghỉ Pháo do Trung Quốc sản xuất). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ, niêm phong số vật chứng trên cùng một số đồ vật tài liệu liên quan và đưa Nguyễn Văn D cùng tang vật về Đoàn Biên phòng C để điều tra, xác minh, làm rõ theo quy định.

Qua ghi lời khai, Nguyễn Văn D thừa nhận: Toàn bộ số vật chứng bị phát hiện tạm giữ đều là pháo hoa nổ, số pháo trên D mua với Hoàng Văn A, trú tại: Xóm S, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng vào buổi chiều tối cùng ngày, đang trên đường đem về miền xuôi tiêu thụ thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Căn cứ lời khai của D, ngày 02/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Văn A, trú tại: Xóm S, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tại Cơ quan điều tra, A thừa nhận số pháo mà Cơ quan chức năng bắt quả tang, thu giữ của Nguyễn Văn D là của A mua với một người đàn ông Trung Quốc rồi bán cho D để kiếm lời.

Ngày 02/8/2020 tại Đoàn Biên phòng C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chủ trì, phối hợp cùng các A phân chức năng tiến hành cân xác định khối lượng vật chứng. Kết quả, toàn bộ vật chứng đã thu giữ có tổng khối lượng là 354,6kg (Ba trăm năm mươi tư phẩy sáu kilogam). Trong đó, các thùng cattong pháo đựng trong 13 (Mười ba) bao tải đều có kích thước, đặc điểm, màu sắc, chủng loại tương đương nhau; Thùng có khối lượng thấp nhất là 26,5kg (Hai mươi sáu phẩy năm kilogam), thùng có khối lượng cao nhất là 26,9kg (Hai mươi sáu phẩy chín kilogam). 02 (Hai) khối hộp loại 100 (Một trăm) ống có khối lượng là 08kg (Tám kilogam). Đồng thời trích mẫu vật để gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số: 03/GĐCN ngày 14/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu: Mẫu 01, Mẫu 02 đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), không hoàn lại mẫu gửi giám định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo sơ thẩm Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu: Bị cáo là lao động tự do và có nghề lái xe tải, trong năm 2019 D được thuê lên xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng vận chuyển sản về miền xuôi bán cho các Công ty thu mua. Trong thời gian này D quen biết Hoàng Văn A. Trong năm 2020 thiếu việc làm nên D có được bàn bạc với Lục Chí K mua pháo từ xã C, huyện B, tỉnh Cao

Bằng về tỉnh Bắc Giang bán kiếm lời. Từ đầu tháng 7/2020 đến ngày 01/8/2020, D và K đã thực hiện buôn bán pháo với A tổng cộng 04 lần, trong đó vận chuyển chót lot 03 chuyến, chuyến thứ 04 vào ngày 01/8/2020 thì bị bắt quả tang, mỗi lần giao dịch tiền là của K, đều do K chuẩn bị cho D và K cũng trực tiếp chuyển tiền qua hệ thống Viettel và hệ thống ngân hàng BIDV vào tài khoản ngân hàng Agribank của A; Xe ô tô biển kiểm soát: 20C-17945 D điều khiển bị bắt quả tang là do K chuẩn bị cho D, toàn bộ đầu ra bán ở Bắc Giang đều do K giao dịch. Mỗi lần lên B, Cao Bằng để mua pháo về bán kiếm lời thì D và K đều đi cùng nhau, tuy nhiên khi vận chuyển pháo về đến đoạn đường vắng thuộc khu vực huyện H1, tỉnh Bắc Giang thì đều hạ toàn bộ pháo xuống ven đường, còn người mua là ai thì D không biết. Số pháo mỗi lần D mua với A đều là các thùng cattong pháo có cùng kích thước, chủng loại, đặc điểm giống nhau.

D và K thống nhất cùng mua pháo về bán kiếm lời, còn lợi nhuận thì chia nhau. Lần thứ nhất thì D, K và V là bạn của K cùng đến C mua pháo, V không biết K và D buôn bán pháo, chỉ đi cùng vì xe ô tô là của V mượn rồi cho cho K mượn lại, lần này D và K trả tiền mặt cho A; Đến lần 2, lần 3 và lần 4 thì có D và K lên B mua pháo với A, hình thức là trả tiền mặt và chuyển khoản, khi đến thị trấn B thì K xuống xe chờ, còn D một mình lên khu vực biên giới thuộc xã C nhận pháo từ A. Ngày 01/8/2020 K cùng lên mua pháo nhưng đến thị trấn B thì xuống xe và đi đâu D không được biết, D một mình lên lên xóm S, xã C nhận pháo đang trên đường về thì bị bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn A khai nhận: Do quen biết trước với Nguyễn Văn D và là người dân gần biên giới thường xuyên đi lại, có quen biết với người đàn ông Trung Quốc tên là G, nên khi được D đặt vấn đề mua pháo A đồng ý. Từ tháng 6/2020 đến ngày 01/8/2020, A được bán pháo cho D 04 (Bốn) lần, cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7/2020, D gọi điện thoại trước cho A hỏi và thống nhất số lượng là 10 (Mười) thùng pháo, mỗi thùng 18 (Mười tám) khối hộp loại 36 (Ba mươi sáu) ống. Sau đó, A gọi điện thoại cho G lấy pháo với số lượng và chủng loại như trên, chở ra sát hàng rào biên giới cho A. G tách từng hộp pháo tung qua hàng rào biên giới, A cùng với Linh Văn L và Lý Văn H cùng nhau xếp pháo vào thùng rồi cho vào trong bao tải. A, L và H cùng nhau vác các bao tải pháo từ sát hàng rào biên giới đi qua đường tắt xuống dưới đường và cho lên xe ô tô của D. Số pháo lần này, A mua với số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), bán được 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng), được lãi số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Số tiền bán pháo được A chia cho L và H mỗi người 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), còn lại A hưởng.

Lần thứ hai vào ngày 20/7/2020, A bán cho D 12 (Mười hai) thùng pháo. Trong đó, có 06 (Sáu) người cùng tham gia vận chuyển gồm: Hoàng Văn A, Linh Văn L, Lý Văn H, Lèn Văn T, Linh Văn E, Hoàng Văn U, mỗi người vận chuyển 02 (Hai) thùng pháo từ sát hàng rào biên giới xuống đường rồi buộc lên xe máy mỗi xe 02 (Hai) bao rồi chở đến chỗ xe ô tô của D. Ngoài ra, còn có Linh Văn Y và Nông Văn X là người canh giới. Số pháo lần này, A mua với số tiền 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng), bán được 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), được lãi số tiền 20.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền bán pháo được A chia cho những người trực tiếp vận chuyển mỗi người 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), người canh giới là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Lần thứ ba vào ngày 23/7/2020, A bán cho D 12 (Mười hai) thùng. Trong đó, có 06 (Sáu) người trực tiếp vận chuyển gồm: Hoàng Văn A, Linh Văn L, Lý Văn H, Lèn Văn T, Linh Văn E, Nông Văn I, mỗi người vận chuyển 02 (Hai) thùng pháo. Ngoài ra, còn có Linh Văn Y canh giới. Số pháo lần này, A mua với số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), bán được 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), được lãi số tiền 21.600.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). A chia tiền đều những người trực tiếp tham gia vận chuyển mỗi người 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), Y canh giới 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Lần thứ tư, vào ngày 01/8/2020, A bán cho D 13 (Mười ba) thùng pháo cùng chủng loại như những lần trước, ngoài ra còn có 02 (Hai) khối hộp pháo loại 100 ống. Lần này có 06 (Sáu) người cùng tham gia vận chuyển: Hoàng Văn A, Linh Văn L, Lý Văn H, Lèn Văn T, Hoàng Văn N, Nông Văn I. Mỗi người vận chuyển 02 (Hai) thùng pháo, riêng A vận chuyển 03 (Ba) thùng và 02 (Hai) khối hộp loại 100 ống. Ngoài ra còn có Linh Văn E và Vi Văn K1 là người canh giới. Những người vận chuyển pháo đã hoàn A hành vi của mình chuyển pháo từ sát hàng rào biên giới lên xe ô tô cho D. D đang vận chuyển trên đường từ biên giới C ra thị trấn B để đem đi tiêu thụ thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, lần này A chưa trả tiền cho G và chưa nhận được hết tiền từ D. Do trước đó D đã chuyển khoản cho A 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) số tiền này A chưa kịp rút, vẫn còn dư trong tài khoản của A mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B, tỉnh Cao Bằng. Mỗi lần nhận tiền A chỉ biết là D chuyển tiền cho, A không xác định được ai là người trực tiếp đã chuyển tiền vào tài khoản của A mỗi lần buôn bán pháo. Những người tham gia vận chuyển lần này A chưa trả tiền cho một ai.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lý Văn H khai nhận: Bị cáo được tham gia vận chuyển pháo cho Hoàng Văn A 04 (Bốn) lần, mỗi lần

02 (Hai) thùng cattong pháo đựng trong bao tải và nhận tiền công từ A. Lần thứ nhất có ba người cùng thực hiện cụ thể là: Vào khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7/2020 H được A gọi điện bảo đi chở hàng, khi đến nơi mới biết là pháo và những lần tiếp theo H đều biết là pháo và được cùng nhất, xếp các khối hộp pháo vào thùng cattong và cho vào bao tải rồi cùng vận chuyển lên xe ô tô. Bản thân H không biết mục đích A lấy pháo để làm gì, bán cho ai và cũng không biết A cho người cảnh giới. Lần thứ nhất tiền công H nhận được là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Lần thứ hai vào ngày 20/7/2020; Lần thứ ba vào ngày 23/7/2020 hai lần này mỗi lần H nhận được số tiền công là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lần thứ tư vào ngày 01/8/2020 lần này H chưa kịp nhận tiền công thì A bị bắt, số pháo vận chuyển đều cùng một chủng loại. Do biết số tiền công có được từ việc vận chuyển pháo cho A là vi phạm pháp luật, H đã tự nguyện giao nộp số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) là tiền công do vận chuyển pháo mà có để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Linh Văn L khai nhận: Bị cáo được vận chuyển pháo cho A 04 (Bốn) lần, mỗi lần 02 (Hai) thùng pháo đựng trong các bao tải. Lần thứ nhất vào cuối tháng 6, đầu tháng 7/2020 gồm có ba người thực hiện, L trực tiếp cùng A và H nhặt pháo ở biên giới do người đàn ông Trung Quốc tung qua hàng rào dây thép gai do Trung Quốc xây dựng cho A rồi cùng xếp pháo vào thùng cattong và cho vào bao tải buộc lại rồi vận chuyển lên xe ô tô, lần này L nhận được từ A số tiền công là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); Lần thứ hai vào ngày 20/7/2020; Lần thứ ba vào ngày 23/7/2020 mỗi lần L nhận được số tiền công là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lần thứ tư chưa kịp nhận tiền công thì A bị bắt. Các lần 2, 3, 4 L không được giúp xếp pháo vào Thùng nhưng đều biết các bao vận chuyển đều là pháo cùng một chủng loại. L không được bàn bạc gì với A, L không được gọi ai, không biết mục đích A lấy pháo để làm gì, cho ai và cũng không biết A cho người cảnh giới như thế nào. Do biết số tiền công có được từ việc vận chuyển pháo cho A là vi phạm pháp luật, L tự nguyện giao nộp số tiền 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lèn Văn T khai nhận: Bị cáo được vận chuyển pháo cho A 03 (Ba) lần để nhận tiền công, mỗi lần 02 (Hai) thùng cattong, những lần này T đều biết là pháo và được trực tiếp cùng A và H, U, N nhặt pháo ở sát hàng rào biên giới do người đàn ông Trung Quốc tung qua hàng rào dây thép gai rồi cùng xếp pháo vào thùng cattong và cho vào bao tải rồi vận chuyển lên xe ô tô, những lần này pháo đều cùng một chủng loại, riêng lần thứ tư có thêm hai khối hộp lẻ loại 100 ống. T được vận chuyển lần thứ nhất vào ngày 20/7/2020, lần thứ hai vào ngày 23/7/2020, hai lần này mỗi lần T

nhận được số tiền công là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lần thứ ba vào ngày 01/8/2020 T chưa kịp nhận tiền công thì A bị bắt. Do biết số tiền công có được từ việc vận chuyển pháo cho A là vi phạm pháp luật, T tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Linh Văn E khai nhận: Bị cáo được vận chuyển pháo cho A 02 (Hai) lần, trong đó lần thứ nhất vào ngày 20/7/2020 và lần thứ hai vào ngày 23/7/2020, mỗi lần 02 (Hai) thùng pháo đựng trong bao tải. Ngày 01/8/2020 E đồng ý cảnh giới cho A. E khẳng định những lần vận chuyển đều biết là pháo. Nhưng vì số tiền công vận chuyển A trả cao nên đã thực hiện, E chỉ được A gọi điện bảo đi chở pháo cho A và cảnh giới, E không được bàn bạc gì với A, bản thân E không biết mục đích A lấy pháo để làm gì, cho ai và cũng không biết A cho những người nào khác cảnh giới. Lần thứ nhất và lần thứ hai E nhận được mỗi lần số tiền công là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lần thứ ba vào ngày 01/8/2020 E được A gọi điện phân công cảnh giới, tuy nhiên lần này chưa được tiền công vì A bị bắt. Ngoài ra E không được tham gia vận chuyển pháo lần nào khác. Do biết số tiền công có được từ việc vận chuyển pháo và cảnh giới cho A là vi phạm pháp luật, sau khi A bị bắt khoảng 10 ngày E đã đến cơ quan điều tra để khai báo và tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nông Văn I khai nhận: Bị cáo được vận chuyển pháo cho A 02 (Hai) lần, mỗi lần 02 (Hai) thùng pháo được đựng trong các bao tải để nhận tiền công, lần thứ nhất I không biết là pháo, lần thứ hai I biết là pháo do trước khi vận chuyển I nhìn thấy 02 (Hai) khối hộp pháo loại 100 ống để trong túi nilon. I được A gọi điện bảo đi chở hàng được trả tiền công cao, lần thứ hai mặc dù biết là pháo nhưng bản thân vẫn thực hiện. Lần thứ nhất vào ngày 23/7/2020 I không biết mặt hàng mình vận chuyển là pháo, tuy nhiên A trả tiền công I vẫn nhận, số tiền công là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lần thứ hai vào ngày 01/8/2020 I chưa kịp nhận tiền công thì A bị bắt. Ngoài ra I không được tham gia vận chuyển pháo lần nào khác. Do biết số tiền công có được từ việc vận chuyển pháo cho A là vi phạm pháp luật, Nông Văn I tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn N khai nhận: Bị cáo được vận chuyển pháo cho A 01 (Một) lần, số lượng 02 (Hai) thùng pháo để nhận tiền công. Cụ thể là vào chiều tối ngày 01/8/2020, N được A gọi điện đi chở hàng, khi đến hàng rào giấy thép gai do Trung Quốc xây dựng gần cột Mốc 540 thì nhìn thấy Hoàng Văn A, Lèn Văn T và Lý Văn H nhặt các

cốp pháo được tung từ phía Trung Quốc sang phía Việt Nam rồi xếp vào thùng cattong, thấy vậy N được giúp xếp vào hộp cattong rồi cùng vận chuyển lên xe ô tô theo sự chỉ đạo của A, số lượng gồm có 13 (Mười ba) thùng pháo rồi đựng vào các bao tải, có đặc điểm giống nhau cùng một chủng loại khối hộp 36 ống, và có thêm 02 khối hộp lẻ loại 100 ống. N chưa nhận tiền công thì A bị bắt. N không biết mục đích A lấy pháo để làm gì, cho ai và N cũng không biết A cho người cảnh giới như thế nào. N chỉ được vận chuyển pháo một lần, ngoài ra không được tham gia vận chuyển pháo lần nào khác.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm Hoàng Văn U trình bày: Hùng được vận chuyển Pháo cho Hoàng Văn A 01 (Một) lần vào ngày 20/7/2020, số lượng vận chuyển là 02 (Hai) thùng pháo đựng trong các bao tải, cụ thể là: Hùng đang ở nhà thì nhận được điện thoại của A gọi lên khu vực mốc 540 chở phân đạm cho A, khi lên đến nơi U thấy có Hoàng Văn A, Lèn Văn T đợi một lúc thì có người đàn ông phía bên kia hàng rào Trung Quốc đi xe ô tô bán tải đến rồi mở các thùng cattong vớt từng cục, khối hộp pháo qua hàng rào thép gai, vớt xong thùng nào thì vớt cả thùng cattong và bao tải sang, lúc này U mới biết A gọi U đi chở pháo không phải chở phân đạm. Tuy nhiên, Hùng vẫn cùng với Hoàng Văn A và Lèn Văn T cùng nhau xếp các khối hộp pháo vào các thùng cattong, xếp được khoảng 05 (Năm) thùng thì có Lý Văn H đến. Tổng cộng số lượng lần này là 12 (Mười hai) thùng pháo, toàn bộ số pháo này đều cùng một loại dạng dàn 36 ống, bên ngoài các khối hộp pháo đều bọc giấy màu đỏ, vàng có chữ Trung Quốc. Sau đó có Linh Văn L, Linh Văn E đến rồi cả 06 (Sáu) người cùng nhau vác, chuyển các bao tải xuống đường qua rẫy bạch đàn buộc lên xe máy mỗi người 02 bao tải pháo chở ra đến khu vực ngã ba đường đi xóm N1, xã C. Khi đến nơi ô tô nhận pháo chưa đến nên A bảo những người cùng tham gia cho các bao tải pháo vào ven đường gần gốc cây sa mộc để và chờ xe. Sau đó Hùng được A bảo và cho đi cảnh giới, Hùng đi được khoảng 30 phút thì nhận được điện thoại của A bảo về nhà. Đến ngày hôm sau thì nhận được số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền công từ A. Ngoài ra U không được tham gia lần nào khác.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nông Văn X trình bày: Không nhớ ngày cụ thể trong khoảng cuối tháng 7/2020 do trong quá trình lao động X không may bị thương ở chân chỉ ở nhà, không tự đi lại xa được, A trực tiếp đến nhà bảo X nếu thấy có người qua thì gọi điện cho A. Sau đó được A trả tiền công với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). X không biết A mua bán, vận chuyển pháo, và cũng không biết những ai cùng tham gia. Số tiền này X đã giao nộp phục vụ quá trình điều tra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ông Linh Văn Y trình bày: Ông được cảnh giới cho Hoàng Văn A 02 (Hai) lần đều vào khoảng cuối tháng 7/2020 mỗi lần cách nhau khoảng 03 ngày. Tuy nhiên Y không biết A mua bán, vận chuyển hàng cấm là pháo và cũng không biết những ai cùng tham gia, mỗi lần nhận được điện thoại của A nói là đi cảnh giới thấy người lên thì gọi, Y chỉ làm theo lời A. Mỗi lần trên Y nhận được số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Do biết số tiền có được là vi phạm pháp luật, Y tự giao nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để phục vụ công tác điều tra, xác minh.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ông Vi Văn K1 trình bày: Vào chiều tối ngày 01/8/2020 được A gọi điện thoại cho cảnh giới, xem đường, A nói ra ngã ba N1, xã C có người lên thì gọi cho A. Do K1 ở gần biên giới tỉnh thoảng có hàng hóa qua lại K1 đã đồng ý. Tuy nhiên K1 không biết A mua bán, vận chuyển hàng cấm là pháo, và cũng không biết những ai cùng tham gia cùng A. Đến ngày hôm sau thì nghe tin A bị bắt mới biết là A buôn bán pháo, ngoài ra không được tham gia lần nào khác. K1 chưa nhận được tiền công từ A.

Tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P, bà P1, bà P2, bà P3 trình bày: Các bà không biết việc các bị cáo sử dụng xe máy để đi vận chuyển pháo. Xe máy là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu được nhận lại xe máy. Bà P yêu cầu được nhận lại điện thoại di động của bà đã bị thu giữ. Các bà mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với những người A trực tiếp gọi điện phân công cảnh giới, nhưng theo ý thức chủ quan của những người này không biết A buôn bán mặt hàng gì. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa A với X, Y và K1. Căn cứ lời khai của Hoàng Văn A với Nông Văn X, Linh Văn Y, Vi Văn K1 trùng khớp nhau, Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với X, Y và K1.

Đối với Hoàng Văn U sinh ngày 19/9/2004 thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chưa đủ 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự, Hùng không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Vận chuyển hàng cấm quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự.

Đối với Lục Chí K, sau khi Nguyễn Văn D và Hoàng Văn A bị bắt, K đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhiều lần và ra thông báo truy tìm đến nay chưa xác định được K đang ở đâu, làm gì, cùng ai nên chưa tiến hành ghi lời khai được. Do vậy, tách đối tượng Lục Chí K ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSBL, ngày 07/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Văn A về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190

Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T, Linh Văn E, Nông Văn I, Hoàng Văn N về tội: “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2021/HS-ST ngày 23/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Hoàng Văn A phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T, Linh Văn E, Nông Văn I, Hoàng Văn N phạm tội "Vận chuyển hàng cấm"

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Hoàng Văn A mỗi bị cáo 10 (Mười) năm tù; Thời gian thụ hình của bị cáo Nguyễn Văn D tính từ ngày 01/8/2020; Thời gian thụ hình của bị cáo Hoàng Văn A tính từ ngày 02/8/2020.

4. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn H và bị cáo Linh Văn L mỗi bị cáo 04 (Bốn) năm tù. Thời gian thụ hình của bị cáo Lý Văn H tính từ ngày 22/01/2021; Thời gian thụ hình của bị cáo Linh Văn L tính từ ngày 21/01/2021.

5. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lèn Văn T 03 (Ba) năm tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày 21/01/2021.

6. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Linh Văn E 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

7. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Nông Văn I, Hoàng Văn N mỗi bị cáo 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Văn I và bị cáo Hoàng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản

án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo, người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 07/7/2021, các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị giảm hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xét xử đối với các bị cáo về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” là đúng với hành vi của các bị cáo đã thực hiện. Nay các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội, rất ăn năn hối hận về hành vi, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Về kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật là có căn; đã xem xét toàn diện, đầy đủ các N tiết tăng nặng và giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Lý Văn H và bị cáo Linh Văn L mỗi bị cáo 04 (Bốn) năm tù, Lèn Văn T 03 (Ba) năm tù là phù hợp; tại giai đoạn xét xử phúc thẩm cả 03 bị cáo không có tài liệu chứng cứ mới cho việc kháng cáo; do vậy không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo.

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang bào chữa cho các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T trình bày luận cứ bào chữa: Các bị cáo H, L, T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng biên giới, là trụ cột chính trong gia đình, số tiền nhận được không lớn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo A khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hối hận về hành vi của mình, đã nộp lại tiền cho cơ quan điều tra, vận chuyển số pháo không đáng kể.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo vi phạm chỉ trên mức định khung một chút nên xử phạt Lý Văn H và bị cáo Linh Văn L mỗi bị cáo 04 (Bốn) năm tù, Lèn Văn T 03 (Ba) năm tù là cao. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- *Luật sư Phùng Văn Cầu bào chữa cho các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T trình bày luận cứ bào chữa*: Bản án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo A khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Vì cuộc sống mưu sinh hàng ngày khó khăn trong N hình dịch bệnh, các bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan điều tra, là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo đã sử dụng thu lợi bất chính nhưng đã giao nộp lại cơ quan điều tra bằng cách vay mượn hay bán lúa ngô sản. Tại thời điểm đó đôi khi nhận thức còn hạn chế, vợ của ba bị cáo đã nộp đơn xem xét xin giảm án cho chồng, đề cập đến các bị cáo có nhân thân tốt, sống ở vùng khó khăn, là người cha, người chồng mẫu mực. Đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh, tính chất mức độ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T không có lời bào chữa bổ sung; Trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xin giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T đều biết mặt hàng vận chuyển là pháo nổ nhưng vẫn thực hiện hành vi vận chuyển pháo cho A để nhận tiền công; Cụ thể: H vận chuyển 04 (Bốn) lần, L vận chuyển 04 (Bốn) lần, T vận chuyển 03 (Ba) lần. Mỗi lần mỗi người vận chuyển 02 (Hai) thùng pháo, thùng có trọng lượng nhẹ nhất là 26,5kg (Hai mươi sáu phẩy năm kilogam) thùng có trọng lượng nặng nhất là 26,9kg (Hai mươi sáu phẩy chín kilogam). Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý đối với các loại hàng hoá mà Nhà nước cấm lưu thông.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T về tội: “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Đây là vụ án vận chuyển hàng cấm có tính chất rất nghiêm trọng do các bị cáo thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hoá cấm kinh doanh, buôn bán do việc

kinh doanh loại hàng hoá này. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là để kiếm lời từ việc mua bán và vận chuyển.

Hành vi vận chuyển hàng cấm của Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, N hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Về mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T phạm tội: “*Vận chuyển hàng cấm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L mỗi bị cáo 04 (bốn) năm tù, Lèn Văn T 03 (ba) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới cho việc kháng cáo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T.

Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét quan điểm của người bào chữa là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lý Văn H, Linh Văn L, Lèn Văn T về việc xin giảm hình phạt. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2021/HS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn H 04

(Bốn) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2021.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Linh Văn L 04 (Bốn) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/01/2021.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lèn Văn T 03 (Ba) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/01/2021.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lý Văn H, Linh Văn Lý, Lèn Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Phòng KTNV và THA;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên